

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 95/2020/DS-ST
Ngày 31-8-2020
V/v tranh chấp tiền hụi.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Triều.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Minh Hoàng.

Bà Đoàn Thị Sim.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Hồng Huệ là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 31 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 248/2020/TLST-DS, ngày 04 tháng 6 năm 2020, về việc tranh chấp hụi, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 234/2020/QĐXXST-DS, ngày 04 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị Bé M, sinh năm 1966 (có mặt).

Cư trú tại: Ấp R, xã P, huyện P, tỉnh C.

- Bị đơn:

1. Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1965 (có mặt).

2. Bà Dương Thị V, sinh năm 1968 (có mặt).

Cùng cư trú tại: Ấp R, xã P, huyện P, tỉnh C.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Đào Thị Q, sinh năm 1989 (có mặt).

Cư trú tại: Ấp R, xã P, huyện P, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06 tháng 5 năm 2020 cùng các văn bản khác kèm theo, nguyên đơn bà Lê Thị Bé M trình bày: Ông Nguyễn Văn L và bà Dương Thị V có tham gia 03 dây hụi do bà làm chủ, cụ thể như sau:

Dây thứ nhất hụi 500.000 đồng, mở ngày 29/02/2016 (âl), gồm 42 chung, mỗi tháng khui 02 lần, vợ chồng ông L và bà V có tham gia 03 chung. Ông L và bà V hốt hụi vào các ngày 14/3/2016, 29/3/2016 và 29/5/2016. Bà giao hụi đầy đủ cho vợ chồng ông L và bà V. Hụi đã mãn nhưng ông L, bà V còn nợ hụi chết trong đó chung 1 và chung 2 nợ 10 lần hụi chết 5.000.000 đồng/01 chung. Chung 3 nợ 08 lần với số tiền 4.000.000 đồng. Tổng số nợ hụi là 14.000.000 đồng. Dây thứ hai hụi 500.000 đồng, mở ngày 09/7/2016 (âl), gồm 36 chung, mỗi tháng khui 02 lần, vợ chồng ông L và bà V có tham gia 02 chung. Ông L và bà V hốt hụi vào các ngày 14/3/2016 và 12/9/2016. Bà giao hụi đầy đủ cho vợ chồng ông L và bà V. Hụi đã mãn nhưng ông L, bà V còn nợ hụi chết chung 1 nợ 35 lần hụi chết với số tiền 17.500.000 đồng, chung 2 nợ 32 lần bằng số tiền 16.000.000 đồng. Tổng số nợ hụi là 33.500.000 đồng. Dây thứ ba hụi 500.000 đồng, mở ngày 09/7/2016 (âl), gồm 33 chung, mỗi tháng khui 02 lần, vợ chồng ông L và bà V có tham gia 03 chung. Ông L và bà V hốt hụi vào các ngày 09/7/2016, 12/9/2016 và 29/9/2016. Bà giao hụi đầy đủ cho vợ chồng ông L và bà V. Ông L và bà V còn nợ hụi chết chung 1 nợ 32 lần hụi chết với số tiền 16.000.000 đồng, chung 2 nợ 27 lần bằng số tiền 13.500.000 đồng, chung 3 nợ 28 lần bằng số tiền 14.000.000 đồng. Tổng số nợ hụi là 43.500.000 đồng. Các lần ông L, bà V nợ hụi thì có ghi nội dung trong giấy tập học sinh bà đã cung cấp cho Tòa, có ông L và bà V ghi ký họ tên “Hai L” và bà V ghi tên “V” phía dưới. Tổng số tiền các lần nợ hụi là 91.000.000 đồng. Nay bà yêu cầu giải quyết buộc ông Nguyễn Văn L và bà Dương Thị V trả số tiền hụi còn nợ là 91.000.000 đồng.

Tại biên bản hòa giải ngày 25/6/2020 và tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Văn L trình bày: Ông thừa nhận vợ chồng ông có tham gia hụi do bà Lê Thị Bé M làm chủ. Các dây hụi đã tham gia, hốt hụi đúng như bà Lê Thị Bé M trình bày. Ông thừa nhận các nội dung trong giấy tập học sinh do bà M đã cung cấp cho Tòa, ông có ký và ghi ký họ tên “Hai L” và bà V ghi tên “V” phía dưới. Tổng các biên nhận là 91.000.000 đồng tuy nhiên có nội dung đoạn từ “ngày 24/7 2.0000.000 đồng đến tôi Hai L V” không phải là do ông ghi và ký tên, ông yêu cầu đối trừ số tiền 15.000.000 đồng trong nội dung này. Đồng thời, ông có trả thêm cho bà M được số tiền 12.000.000 đồng nhưng không có biên nhận, giấy tờ gì cũng như không có ai chứng kiến. Tổng cộng ông còn nợ 64.000.000 đồng cộng dồn với 500.000 đồng tiền hụi đóng còn nợ nên ông chỉ còn nợ bà M số tiền là 64.500.000 đồng. Ông và bà V chấp nhận trả số tiền hụi còn nợ là 64.500.000 đồng.

Tại biên bản hòa giải ngày 25/6/2020 và tại phiên tòa, bị đơn bà Dương Thị V trình bày: Bà thống nhất với toàn bộ lời trình bày của ông L. Bà chấp nhận trả cho bà M số tiền hụi còn nợ 64.500.000 đồng.

Tại biên bản hòa giải ngày 25/6/2020 và tại phiên tòa, người có Q lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Đào Thị Q trình bày: Bà là người đi gom hụi cho bà Lê Thị Bé M. Nay bà M khởi kiện ông L, bà V thì bà không có tranh chấp gì với bà M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Lê Thị Bé M khởi kiện ông Nguyễn Văn L và bà Dương Thị V trả tiền hui còn nợ. Do đó, đây là tranh chấp dân sự về việc “*Tranh chấp tiền hui*” nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau. Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

[2] Tại phiên tòa bà M cho rằng bà có làm chủ hui, ông L và bà V có tham gia chơi hui; ông L, bà V tham gia chơi tổng cộng 8 chân hui, ông L và bà V đã hót hui và đóng hui chết còn nợ lại bà tổng cộng 91.000.000 đồng và có làm biên nhận cho bà; ông L không thừa nhận một biên nhận với số tiền 15.000.000 đồng, bà đồng ý trừ số tiền 15.000.000 đồng, bà yêu cầu ông L, bà V trả cho bà số tiền 76.000.000 đồng, bà đứng tên chủ hui nhưng con dâu bà là Đào Ngọc Q là người trực tiếp gom hui và chung hui cho ông L, bà V. Ông L, bà V thừa nhận có tham gia chơi hui do bà M làm chủ hui, ông L và bà V đã hót hết hui và đóng hui chết còn nợ lại số tiền 76.000.000 đồng, ông L có làm biên nhận cho bà M, sau đó ông L, bà V có trả cho bà M 12.000.000 đồng, còn nợ bà M 64.000.000 đồng, ông L và bà V chỉ đồng ý trả cho bà M 64.000.000 đồng. Xét thấy việc ông L, bà V có tham gia chơi hui do bà M làm chủ là có thật, việc này các đương sự thừa nhận trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Ông L, bà V thừa nhận đã hót hui và đóng hui còn nợ bà M 76.000.000 đồng, nhưng đã trả được 12.000.000 đồng. Ông L, bà V cho rằng đã trả cho bà M 12.000.000 đồng nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ, chứng minh cho lời trình bày của mình và bà M không thừa nhận nên ông L, bà V cho rằng có trả cho bà M 12.000.000 đồng là không có cơ sở nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận. Do đó, bà M yêu cầu ông L, bà V trả số tiền 76.000.000 đồng là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Bà Lê Thị Bé M không phải chịu án phí, bà M đã dự nộp án phí số tiền 2.275.000 đồng được nhận lại. Ông Nguyễn Văn L và bà Dương Thị V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Áp dụng Điều 471 của Bộ luật dân sự và Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ quy định về hui, họ, biểu phường.
- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị Bé M. Buộc ông Nguyễn Văn L và bà Dương Thị V có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Lê Thị Bé M số tiền 76.000.000 đồng (bảy mươi sáu triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Bà Lê Thị Bé M không phải chịu án phí, bà M đã nộp tiền tạm ứng án phí 2.275.000 đồng (hai triệu hai trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0011657 ngày 04 tháng 6 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân; bà M được nhận lại khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Buộc ông Nguyễn Văn L và bà Dương Thị V có nghĩa vụ liên đới nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 3.800.000 đồng (ba triệu tám trăm ngàn đồng), nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Án xử sơ thẩm, Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Việt Triều